

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 77 /PA-TTPTQĐ

Đồng Nai, ngày 24 tháng 7 năm 2025

## PHƯƠNG ÁN

**Đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 145 và thửa đất số 14,  
tờ bản đồ địa chính số 31 xã Trảng Bom (thị trấn Trảng Bom,  
huyện Trảng Bom cũ), tỉnh Đồng Nai**

Thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai lập Phương án đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 145 và thửa đất số 14, tờ bản đồ địa chính số 31 xã Trảng Bom (thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom cũ), tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;



Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản, quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá.

Căn cứ Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chi tiết thực hiện một số điều của Luật Nhà ở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số



1258/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 đô thị Trảng Bom, huyện Trảng Bom đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Nông trường Cao su Trảng Bom thuộc Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý và giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai giảm nhu cầu sử dụng tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chuyển giao công tác quản lý các khu đất, thửa đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch tại Khu phố 1, thị trấn Trảng Bom (quy mô khoảng 0,575 ha), huyện Trảng Bom

## **II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

### **1. Thông tin chung về thửa đất đấu giá**

#### **1.1. Vị trí**

Khu dân cư theo quy hoạch quy mô khoảng 0,575 ha thuộc thửa đất số 145 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31 xã Trảng Bom (thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom cũ), tỉnh Đồng Nai, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: Giáp đường Lê Quý Đôn;



- Phía Nam: Giáp đất trống (cách Quốc lộ 1 khoảng 30 m);
- Phía Tây: Giáp đất cây xăng Thành Thái;
- Phía Đông: Giáp đường Trương Định.

Vị trí, diện tích, ranh giới, hình thể khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 5970/2025 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện, ký xác lập ngày 08 tháng 7 năm 2025.

## **1.2. Diện tích, loại đất**

Tổng diện tích khu đất là 5.750,5 m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích nằm trong các Quyết định giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý là 5.747,7 m<sup>2</sup>; diện tích đất do UBND xã Trảng Bom quản lý là 2,8 m<sup>2</sup> (quy hoạch đất giao thông).

- Diện tích đấu giá: 4.402,6 m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị;
- Diện tích không đấu giá: 1.347,9 m<sup>2</sup>, trong đó: quy hoạch đất cây xanh công viên 318,2 m<sup>2</sup>, đất giao thông 1.029,7 m<sup>2</sup> (gồm 2,8 m<sup>2</sup> đất do UBND xã Trảng Bom quản lý).

## **1.3. Nguồn gốc**

Khu đất được thu hồi và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, xây dựng phương án khai thác các theo Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021, Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

## **1.4. Hiện trạng, hạ tầng kỹ thuật và tài sản gắn liền với đất (nếu có)**

Hiện trạng thửa đất là đất trống, không có tài sản gắn liền với đất.

Trên thửa đất chưa có hạ tầng kỹ thuật. Về hạ tầng kỹ thuật kết nối tại khu vực, thửa đất tiếp giáp và kết nối Quốc lộ 1A và đường giao thông hiện hữu.

## **1.5. Thông tin quy hoạch**

### **a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- Quy hoạch sử dụng đất: Theo hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trảng Bom được phê duyệt tại Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai, vị trí thửa đất có chức năng quy hoạch là đất ở tại đô thị và đất giao thông;

### **b) Quy hoạch xây dựng<sup>1</sup>**

<sup>1</sup> Theo Văn bản số 754/SXD-QLQHKT ngày 06 tháng 03 năm 2024 và Văn bản số 5027/SXD-QLQHKT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Sở Xây dựng.



Theo hồ sơ Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 thửa đất số 145, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31 tại xã Trảng Bom (thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom cũ), tỉnh Đồng Nai được phê duyệt tại Quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom, các chỉ tiêu, cơ cấu sử dụng đất, mật độ xây dựng, phân khu chức năng như sau:

*b1) Các khu chức năng chính bao gồm:*

- Đất khu ở: được tổ chức theo 01 loại nhà (nhà liên kế)

Bố trí các dãy nhà liên kế với diện tích khoảng 0,44 ha, khoảng 41 lô, tầng cao  $\leq 04$  tầng dọc theo tuyến đường chính của dự án là đường song hành Quốc lộ 1, đường Lê Quý Đôn và đường Trương Định tạo thuận lợi về mặt giao thông cho dự án. Các lô nhà liên kế đa số đều có kích thước khoảng 5x20 m, diện tích khoảng 90-100 m<sup>2</sup>. Với một số quy định về quản lý xây dựng như sau:

- + Mật độ xây dựng:  $\leq 70-90\%$ ;
- + Số tầng:  $\leq 04$  tầng, 01 mái và 01 hầm (nếu có);
- + Chiều cao tầng hầm (nếu có): -2,70 (tính từ cao độ nền cốt  $\pm 0,00$  m);
- + Chiều cao nền tầng 1 so với vỉa hè: +0,30 m (tính từ cao độ nền cốt  $\pm 0,00$  m)
- + Chiều cao tầng 1: +4,20 m (tính từ cao độ nền cốt  $\pm 0,00$  m);
- + Chiều cao tầng 2: +7,80 m (3,60 m/ tầng);
- + Chiều cao tầng 3: +11,40 m (3,60 m/ tầng);
- + Chiều cao tầng 4: +15,00 m (3,60 m/ tầng);
- + Chiều cao mái:  $\leq 3,00$  m;
- + Độ vươn ban công tối đa: 1,2-1,4 m;
- + Chỉ giới xây dựng trùng chỉ giới đường đỏ;
- + Khoảng lùi phía sau nhà:  $\geq 2$  m;
- Đất cây xanh công viên:
- + Mật độ xây dựng:  $\leq 5\%$ ;
- + Số tầng:  $\leq 01$  tầng;
- + Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ: 4 m.
- Đất giao thông:

Phương án bố trí trục đường chính theo hướng Bắc Nam chạy dọc theo tuyến nhà liên kế, đảm bảo khả năng lưu thông, kết nối thuận lợi. Tổng diện tích giao thông nội khu khoảng 0,1 ha.



## b2) Quy hoạch sử dụng đất

| STT         | LOẠI ĐẤT               | DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> ) | TỶ LỆ (%)    | CHỈ TIÊU (m <sup>2</sup> /người) |
|-------------|------------------------|-----------------------------|--------------|----------------------------------|
| (1)         | (2)                    | (3)                         | (4)          | (5)                              |
| 1           | Đất ở                  | 4.402,6                     | 76,6         | 29,83                            |
|             | Đất nhà liên kế        | 4.402,6                     |              |                                  |
| 2           | Đất cây xanh công viên | 318,2                       | 5,5          | 2,16                             |
| 3           | Đất giao thông         | 1.029,7                     | 17,9         | 6,98                             |
| <b>TỔNG</b> |                        | <b>5.750,5</b>              | <b>100,0</b> |                                  |

**2. Hình thức giao đất, cho thuê đất và thời hạn sử dụng đất**

- Đối với diện tích đấu giá 4.402,6 m<sup>2</sup> đất ở: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất với thời hạn sử dụng đất theo thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Đối với phần diện tích không đấu giá 1.347,9 m<sup>2</sup>: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất để người trúng đấu giá thực hiện đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt và bàn giao lại cho địa phương quản lý.

**3. Dự kiến thời gian tổ chức phiên đấu giá**

Khoảng 03 tháng sau khi UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định đấu giá thửa đất.

**4. Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá****4.1. Người được tham gia đấu giá**

- Tổ chức kinh tế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Luật Đất đai;

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật Đất đai;

- Cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật Đất đai.

**4.2. Điều kiện được tham gia đấu giá****a) Điều kiện chung**

- Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 119, Điều 120 và bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 122 của Luật



Đất đai;

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của tổ chức thực hiện cuộc đấu giá, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sau khi trúng đấu giá;

- Nộp tiền đặt trước bằng 20% tổng giá trị khu đất tính theo giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất;

- Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia đấu giá;

- Không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản.

#### b) Điều kiện cụ thể

- Tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá phải có đủ các điều kiện sau đây:

- + Bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 125 của Luật Đất đai<sup>2</sup>;

- + Trường hợp nhóm công ty là tập đoàn kinh tế hoặc công ty mẹ, công ty con theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp khi tham gia đấu giá thì phải thỏa thuận để cử một công ty thuộc nhóm công ty tham gia đấu giá;

- + Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật;

- + Đáp ứng điều kiện quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án nhà ở, dự án kinh doanh bất động sản khác<sup>3</sup>; trong đó phải có hồ sơ chứng minh vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư dự án. Tổng vốn đầu tư dự án bao gồm giá khởi điểm đấu giá và dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng. Trong đó: Giá khởi điểm đấu giá sẽ được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai; dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng khoảng 84.889.880.000 đồng<sup>4</sup>.

- Cá nhân tham gia đấu giá phải có đủ các điều kiện sau đây:

<sup>2</sup> Khoản 3 Điều 125 Luật Đất đai quy định:

" 3. Tổ chức tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 119 và Điều 120 của Luật này;

b) Bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 122 của Luật này đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư; có năng lực, kinh nghiệm trong việc phát triển dự án;

c) Điều kiện khác theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

<sup>3</sup> Theo điểm c khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh Bất động sản.

<sup>4</sup> Theo Văn bản số 47/SoXD-QLHĐ&VLXD ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Sở Xây dựng.



+ Đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Đất đai;

+ Trường hợp cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì phải cam kết thành lập tổ chức kinh tế bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP. Việc thành lập tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

### **4.3. Người không được tham gia đấu giá**

Người không được tham gia đấu giá được quy định tại khoản 4 Điều 38 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15), gồm:

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

b) Người làm việc trong tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện phiên đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

c) Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

d) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật và người tham gia đấu giá;

đ) Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó;

e) Công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

### **5. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện đấu giá**

Dự kiến tổng chi phí thực hiện đấu giá khoảng **715.762.495** đồng, bao gồm:



| STT               | Nội dung thực hiện                       | Dự kiến chi phí<br>(đồng) |
|-------------------|------------------------------------------|---------------------------|
| (1)               | (2)                                      | (3)                       |
| 1                 | Chi phí đo đạc khu đất:                  | 50.000.000                |
| 2                 | Tổng kinh phí bồi thường, GPMB           | 165.762.495               |
| 3                 | Chi phí quản lý đất                      | 50.000.000                |
| 4                 | Giá dịch vụ đấu giá tài sản <sup>5</sup> | 400.000.000               |
| 5                 | Chi phí khác                             | 50.000.000                |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                          | <b>715.762.495</b>        |

Chi phí nêu trên được thanh toán theo thực tế (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp) và theo hợp đồng ký kết với đơn vị tổ chức phiên đấu giá.

#### 6. Dự kiến giá khởi điểm, khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá và các khoản thu khác

a) Dự kiến giá khởi điểm theo Bảng giá đất

- Đất ở:

+ Vị trí đất: Theo Bản trích lục bản đồ địa chính số 5970/2025 thì thửa đất thuộc vị trí 1 đường Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành) tại xã Trảng Bom (thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom cũ), tỉnh Đồng Nai là 10.000.000 đồng/m<sup>2</sup>;

- Ước tính giá trị thửa đất theo Bảng giá đất như sau:

| STT                                                         | Phạm vi                                     | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Đơn giá<br>(đồng/m <sup>2</sup> ) | Hệ số | Tỷ lệ % | Thành tiền<br>(đồng) |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------|---------|----------------------|
| (1)                                                         | (2)                                         | (3)                            | (4)                               | (5)   | (6)     | (7)=(3)*(4)*(5)*(6)  |
| Theo đường Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành) |                                             |                                |                                   |       |         |                      |
| 1                                                           | Phạm vi từ ranh thửa đất đến hết mét thứ 50 | 3.810,1                        | 10.000.000                        | 1,1   | 100%    | 41.911.100.000       |
| Theo đường Lê Quý Đôn                                       |                                             |                                |                                   |       |         |                      |
| 2                                                           | Phạm vi từ ranh                             | 592,5                          | 4.500.000                         | 1,1   | 100%    | 2.932.875.000        |

<sup>5</sup> Giá dịch vụ đấu giá tài sản được tính toán dự kiến theo quy định tại Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá thì mức tối đa giá dịch vụ đấu giá tài sản tương ứng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm đối với tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá, mức giá dịch vụ đấu giá tài sản tối đa tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm không vượt quá 400 triệu đồng/01 phiên đấu giá, khi có kết quả đấu giá sẽ thanh toán theo thực tế (giá dịch vụ đấu giá tài sản chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản).



| STT               | Phạm vi                     | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> ) | Hệ số | Tỷ lệ % | Thành tiền (đồng)     |
|-------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------|---------|-----------------------|
| (1)               | (2)                         | (3)                         | (4)                            | (5)   | (6)     | (7)=(3)*(4)*(5)*(6)   |
|                   | thửa đất đến hết mét thứ 50 |                             |                                |       |         |                       |
| <b>Tổng cộng:</b> |                             | <b>4.402,6</b>              |                                |       |         | <b>44.843.975.000</b> |

Giá khởi điểm đấu giá khu đất đất sẽ được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt chính thức trên cơ sở áp dụng điểm d khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai.

b) Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá

- Dự kiến khoản tiền đặt trước là 44.843.975.000 đồng \* 20% = **8.968.795.000 đồng**. Khoản tiền đặt trước sẽ được xác định cụ thể sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thửa đất;

- Việc nộp và xử lý tiền đặt trước thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15) và điểm c khoản 9 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

c) Các khoản thu khác

Bao gồm:

- Tiền bán hồ sơ cho người đăng ký tham gia đấu giá;
- Các khoản thu khác theo quy định.

## **7. Các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức đấu giá**

### **7.1. Nguyên tắc, hình thức và phương thức đấu giá**

a) Nguyên tắc đấu giá

Việc đấu giá được thực hiện theo nguyên tắc công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng giữa những người tham gia đấu giá, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

b) Hình thức đấu giá

Phiên đấu giá được tổ chức khi có từ 02 (hai) người trở lên đăng ký đủ điều kiện tham gia đấu giá, theo hình thức và số vòng đấu giá như sau:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá;
- Số vòng đấu giá: Tối đa 05 vòng.

c) Phương thức đấu giá

Phương thức đấu giá theo phương thức trả giá lên.

c) Bước giá



Xác định theo Văn bản số 12612/UBND-KT ngày 20 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xác định bước giá các khu đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cụ thể:

| STT | Giá khởi điểm đấu giá khu đất       | Bước giá tính theo tỷ lệ % giá khởi điểm |
|-----|-------------------------------------|------------------------------------------|
| (1) | (2)                                 | (3)                                      |
| 1   | Dưới 2 tỷ đồng                      | 10%                                      |
| 2   | Từ 2 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng     | 09%                                      |
| 3   | Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng    | 08%                                      |
| 4   | Từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng   | 07%                                      |
| 5   | Từ 20 tỷ đồng đến dưới 40 tỷ đồng   | 06%                                      |
| 6   | Từ 40 tỷ đồng đến dưới 70 tỷ đồng   | 05%                                      |
| 7   | Từ 70 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng  | 04%                                      |
| 8   | Từ 100 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ đồng | 03%                                      |
| 9   | Từ 200 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng | 02%                                      |
| 10  | Từ 500 tỷ đồng trở lên              | 01%                                      |

## 7.2. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai là cơ quan tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên.

## 7.3. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện phiên đấu giá

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai thực hiện việc lựa chọn đơn vị tổ chức hành nghề đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản.

## 7.4. Thông báo công khai thông tin đấu giá quyền sử dụng đất

Thực hiện niêm yết việc thông báo đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 35 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15).

Thực hiện công khai thông báo đấu giá quyền sử dụng đất khu đất theo Điều 57 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15). Trong đó, thông báo công khai thông tin đấu giá ít nhất 02 lần trên báo in hoặc báo hình của trung ương hoặc Báo Đồng Nai và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản.

## 7.5. Giám sát thực hiện phiên đấu giá

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm điều hành phiên đấu giá đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và nội dung cụ thể tại hợp đồng thuê thực hiện phiên đấu giá.



Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá; phối hợp với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản mời đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tham dự, giám sát phiên đấu giá.

#### **7.6. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá**

Người trúng đấu giá có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 48 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15) và các quy định pháp luật khác liên quan.

a) Người trúng đấu giá có các quyền sau đây:

- Yêu cầu người có tài sản đấu giá trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật;
- Được nhận tài sản đấu giá, có quyền sở hữu đối với tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật;
- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Người trúng đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

- Ký biên bản đấu giá;
- Nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ (nếu có) theo đúng thông báo của cơ quan thuế;
- Sử dụng đất đúng mục đích; thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường... theo đúng quy định của pháp luật;
- Phải đưa đất vào sử dụng theo tiến độ của dự án đầu tư hoặc quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chậm tiến độ thực hiện dự án hoặc không đưa đất vào sử dụng sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 81 của Luật Đất đai;
- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của Dự án đảm bảo kết nối đồng bộ theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt (người trúng đấu giá chịu mọi chi phí đầu tư); sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật, người trúng đấu giá có trách nhiệm bàn giao cho địa phương để quản lý theo quy định;
- Phải thực hiện xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Luật Nhà ở;
- Các nghĩa vụ theo hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư và nghĩa vụ khác



theo quy định của pháp luật.

### **7.7. Xử lý người vi phạm**

a) Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước và khoản tiền này được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung năm 2024), cụ thể như sau:

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia phiên đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15);

- Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15);

- Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15);

- Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15);

b) Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị cấm tham gia đấu giá đối với loại tài sản đó theo Khoản 1 Điều 25 và Điều 26 Nghị định 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính Phủ, cụ thể như sau:

- Cấm tham gia đấu giá từ 02 năm đến 05 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá;

- Cấm tham gia đấu giá từ 06 tháng đến 03 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá;

- Thời hiệu xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá quy định tại Điều 25 Nghị định 172/2024/NĐ-CP là 01 năm kể từ ngày ban hành quyết định hủy quyết định công nhận kết quả đấu giá.

c) Ngoài các nội dung xử lý vi phạm nêu trên, trường hợp người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm làm ảnh hưởng tới việc tổ chức đấu giá sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **7.8. Công nhận kết quả trúng đấu giá**



Việc công nhận kết quả trúng đấu giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 229 của Luật Đất đai và khoản 8 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai lập hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để trình UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- UBND tỉnh Đồng Nai ký ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đã bán đấu giá thành công để gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai, cơ quan thuế và người trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

### **7.9. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá**

Việc nộp tiền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND tỉnh Đồng Nai, cơ quan thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

- Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan thuế;

- Kể từ thời điểm công bố kết quả trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền theo thông báo của cơ quan thuế thì sau 120 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh Đồng Nai hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc;

- Cơ quan thuế thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất.

### **7.10. Ban hành Quyết định cho thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và ban giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá**



Sau khi người trúng đấu giá hoàn thành việc nộp tiền thuê đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các thủ tục về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá theo quy định tại khoản 5 Điều 229 của Luật Đất đai.

### **7.11. Hủy kết quả đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá**

Kết quả đấu giá bị hủy trong các trường hợp được quy định tại Điều 72 của Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15).

Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá bị hủy theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Trường hợp cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: Khi hết thời hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 9 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP mà cá nhân là người trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư không thành lập tổ chức kinh tế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP thì Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá. Việc xử lý khoản tiền đặt cọc thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 55 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Việc hủy kết quả đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá sẽ bị xử lý vi phạm theo tiểu mục 7.7 mục 7 Phần II của Phương án này đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án đấu giá;
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định giá khởi điểm, trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt giá khởi điểm;
- Lập thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định đấu giá;
- Chủ trì họp xét đánh giá điều kiện, năng lực người đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan;
- Cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá quyền sử dụng đất;
- Lập thủ tục trình UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá;



- Trình UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định giao đất và ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai và UBND xã Trảng Bom tổ chức bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người trúng đấu giá;

- Kiểm tra việc sử dụng đất của người trúng đấu giá đảm bảo đúng quy hoạch, đúng tiến độ hoặc phương án sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

## **2. Sở Tài chính**

- Phối hợp thực hiện thẩm định điều kiện, năng lực người đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan;

- Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định;

- Cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá.

## **3. Sở Xây dựng**

- Phối hợp thực hiện đánh giá điều kiện, năng lực người đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan;

- Lập, trình thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

- Cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá quyền sử dụng đất;

- Hướng dẫn người trúng đấu giá lập các thủ tục liên quan lĩnh vực xây dựng.

## **4. Sở Tư pháp**

- Phối hợp đánh giá điều kiện, năng lực người đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan;

- Cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá quyền sử dụng đất.

## **5. Thuế tỉnh Đồng Nai**

- Phối hợp thực hiện đánh giá điều kiện, năng lực người đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan;

- Cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá quyền sử dụng đất;

- Xác định nghĩa vụ tài chính và gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

- Xác định số tiền phạt chậm nộp thuế theo quy định và gửi thông báo đến



người trúng đấu giá (nếu có);

- Thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất.

#### **6. UBND xã Trảng Bom**

- Thông báo công khai về việc đấu giá quyền sử dụng đất trên Cổng thông tin điện tử của xã, hệ thống truyền thanh và các hình thức khác trên địa bàn;

- Phối hợp thực hiện đánh giá điều kiện, năng lực người đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan;

- Cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá quyền sử dụng đất;

- Phối hợp bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người trúng đấu giá;

- Tổ chức kiểm tra, quản lý trật tự xây dựng công trình theo thẩm quyền.

#### **8. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai**

- Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo phương án được phê duyệt;

- Tổng hợp hồ sơ chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường để lập thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án đấu giá, phê duyệt giá khởi điểm và quyết định đấu giá; trình UBND tỉnh Đồng Nai công nhận kết quả trúng đấu giá;

- Phối hợp thực hiện đánh giá điều kiện, năng lực người đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan;

- Cử đại diện tham dự, giám sát phiên đấu giá;

- Phối hợp bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người trúng đấu giá.

Trên đây là Phương án đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 145 và thửa đất số 14, tờ bản đồ địa chính số 31 xã Trảng Bom (thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom cũ), tỉnh Đồng Nai./.

**Nơi nhận:** *Quỹ*

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để thẩm định);
- Các sở: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp;
- Thuế tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Trảng Bom;
- Lưu: VT, QLPTQĐ (05b). Linh

